TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **---------- **

Bản án số: 79 /2024/HNGĐ
Ngày 28/02/2024
Về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thắng

Ông Nguyễn Minh Tú

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọt - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tây Hồ

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B*** *tham gia phiên tòa*: Bà Phong Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 500/2023/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐ - ST ngày 17/01/2024, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1977;

HKTT: Nhà số 207, đường T, tổ dân phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H.

Cư trú: Số 50 Khu tập thể H, đường Sắt, TDP Đông Ngạc 5, phường Đ, quận B, Thành phố H.

(Có mặt tại phiên toà)

2. Bị đơn: Anh Hoàng Đức H, sinh năm 1966;

HKTT+cư trú: Nhà số 207, đường T, tổ dân phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H

(Vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện và lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là Hoàng Thị N trình bày:***

Chị N và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 17/7/1998 tại UBND xã Đ, huyện T, Thành phố H. Sau khi kết hôn, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do anh H thường xuyên uống rượu về chửi bới chị Nhung, thậm trí còn đánh đập, nhiều lần chị N đã phải báo tổ dân phố can thiệp, anh H đã nhiều lần cam kết nhưng vẫn không thay đổi tính cách của mình, vẫn

tiếp tục chửi bới, bạo hành đối với chị N. Mặt khác, trong sinh hoạt hàng ngày, chị N còn mâu thuẫn đối với gia đình anh H vì sống cùng nhiều thế hệ và nhiều người cao tuổi nên không có sự đồng cảm, chia sẻ với chị N. Chị N đã cố gắng chịu đựng để các con có bố và mẹ. Đến cuối năm 2019 chị N không thể chịu đựng được nên đã quyết định sống ly thân, mặc dù sống chung một nhà. Đến tháng 03/2023, chị N đã chuyển đi thuê nhà ở nơi khác, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh H để chị ổn định cuộc sống.

***** Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có 04 con chung:

1. Hoàng Thu T, sinh ngày 25/5/1999
2. Hoàng Mai A, sinh ngày 06/11/2000
3. Hoàng Đức K, sinh ngày 04/11/ 2003
4. Hoàng Bảo C, sinh ngày 06/02/2013

Hiện các con chung là Hoàng Thu T, Hoàng Mai A, Hoàng Đức K đã đủ 18 tuổi, nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với con chung là Hoàng Bảo C, hiện nay đang ở cùng chị N. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Hoàng Bảo C, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản, nhà đất, công nợ: không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Bị đơn là anh Hoàng Đức H không đến Toà nhưng gửi bản tự khai và có ý kiến trình bày:***

*Về tình cảm: Vợ chồng mâu thuẫn, chửi nhau kịch liệt, chị N bỏ nhà đi thuê nhà trọ mang theo con út đi cùng và hai con lớn, còn con thứ ba ở với anh Hùng. Hai vợ chồng ly thân đã gần 04 năm. Nay anh H đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của chị Nhung.

* Về con chung: Anh H xác định có 04 con chung là:

1. Hoàng Thu T, sinh năm 1999
2. Hoàng Mai A, sinh năm 2000
3. Hoàng Đức K, sinh năm 2003
4. Hoàng Bảo C, sinh năm 2013

Đối với Hoàng Bảo C, anh H xác định luôn có trách nhiệm nuôi con trưởng thành nhưng không có ý kiến về việc giao con cho ai nuôi, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con là bao nhiêu.

* Về tài sản, nhà đất, công nợ: không có

Tại phiên toà nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến như trên, không có yêu cầu gì khác. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không có mặt không có ý kiến trình bày.

Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và nội dung giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Toà án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thụ lý và trình tự đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã

thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chị Hoàng Thị N và anh Hoàng Đức H đăng ký kết hôn ngày 17/7/1998 tại UBND xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm (nay là phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm) TP H trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn, anh chị không đồng cảm, thấu hiểu, chia sẻ khó khăn cùng nhau. Mặt khác, anh H thường uống rượu say, chửi bới, đánh đập chị N trước mặt con cái khiến tình cảm vợ chồng không còn. Từ năm 2018 đến nay, anh chị sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị N đối với anh Hoàng Đức H là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Anh chị có 04 con chung là cháu Hoàng Thu T – SN: 25/5/1999; cháu Hoàng Mai A – SN: 06/11/2000; cháu Hoàng Đức Kiên – SN: 04/11/2003; cháu Hoàng Bảo C– SN: 06/02/2013. Các cháu T, Mai A và cháu K đã trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường nên không xét. Đối với cháu Hoàng Bảo C: chị N có nguyện vọng được nuôi cháu C, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh H không đưa ra ý kiến được nuôi cháu Châu hay không. Mặt khác cháu C đề nghị được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, giao cháu Hoàng Bảo C cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Từ các nhận định trên, đề nghị HĐXX:

Căn cứ: Điều 28, 35, 39 BLTTDS 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị N đối với anh Hoàng Đức Hùng.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Bảo Ccho chị Hoàng Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu. Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản, công nợ chung: Không xem xét – do không có yêu cầu

- Về án phí: chị Hoàng Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thẩm quyền: Anh Hoàng Đức H cư trú tại số 207, đường T, tổ dân phố Đ, phường Đ, quận B, Thành phố H, chị N có đơn xin ly hôn với anh H, căn

cứ điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Hoàng Đức H đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng anh H không đến Toà án làm việc, vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Việc anh H không đến Toà là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định của pháp luật.

[3].Về nội dung: Chị N và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 17/7/1998 tại UBND xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Thành phố H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng thường xuyễn cãi vã, thậm trí anh H còn có bạo lực gia đình đối với chị N, chính quyền địa phương là tổ dân phố phải can thiệp, vợ chồng đã sống ly thân được 04 năm, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Chị N có đơn xin ly hôn, anh H cũng đồng lý theo nguyên vọng của chị N, nhưng không đến Toà án làm việc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh H là phù hợp với pháp luật và thực tế.

- Về con chung: Hai bên xác định có 04 con chung là:

1. Hoàng Thu T, sinh ngày 25/5/1999

2. Hoàng Mai A, sinh ngày 06/11/2000

3. Hoàng Đức K, sinh ngày 04/11/ 2003

4. Hoàng Bảo C, sinh ngày 06/02/2013

Đối với các con chung là Hoàng Thu T, Hoàng Mai A, Hoàng Đức K đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên HĐXX không xem xét.

Đối với con chung là Hoàng Bảo C sinh ngày 06/02/2013, hiện đang ở cùng với chị Nhung, khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, anh H không đến Toà, không có ý kiến về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Để tránh xáo trộn trong sinh hoạt, cũng như đảm bảo điều kiện nuôi con thực tế của chị Nhung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là Hoàng Bảo C, sinh ngày 06/02/2013 cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H đến khi chị N có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

- Về tài sản và công nợ chung: Không có nên không xét.

- Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ án ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị N đối với anh Hoàng Đức H. Chị N được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Hai bên xác định có 04 con chung là:

1. Hoàng Thu T, sinh ngày 25/5/1999
2. Hoàng Mai A sinh ngày 06/11/2000
3. Hoàng Đức K, sinh ngày 04/11/ 2003
4. Hoàng Bảo C, sinh ngày 06/02/2013

Đối với các con chung là Hoàng Thu T, Hoàng Mai A, Hoàng Đức K đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên HĐXX không xem xét.

Giao con chung là Hoàng Bảo C sinh ngày 06/02/2013, cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H đến khi chị N có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3.Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Không có, nên không xét.

4.Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0044258 ngày 09/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND quận B
- Chi cục THADS quận B
- Đương sự

Lê Thị Tuyết